TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2023/QĐST-DS	Yên Phong, ngày 21 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn vụ án Dân sự thụ lý số: 118/2022/TLST-DSST ngày 14/12/2022 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 442 N, phường 5, Quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị T – Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Huy H – Chức vụ: Nhân viên.

Địa chỉ: Tầng 6, số 10 P, phường Ph, quận H, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân K, sinh năm 1983; chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1987.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1954.

+ Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1954.

Cùng trú tại: Thôn P, xã V, huyện Y, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Anh Nguyễn Xuân K, chị Nguyễn Thị X sẽ có trách nhiệm phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP A(ACB) tổng số nợ còn thiếu tại Hợp đồng cấp tín dụng số: DGI.CN.468.290216 ký ngày 01/03/2016; Hợp đồng cấp tín dụng số DGI.CN.746.011217 ký ngày 01/12/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số DGI.CN.2330.201118 ký ngày 07/12/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo tạm tính đến hết ngày 28/7/2023 là: 629.470.051đ (Sáu trăm hai chín triệu, bốn trăm bẩy

mươi nghìn, không trăm lăm mốt đồng); trong đó nợ gốc là 374.666.070đ (Ba trăm bẩy tư triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm bẩy mươi đồng); nợ lãi trong hạn: 77.069.225đ (Bẩy mươi bẩy triệu, không trăm sáu chín nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng); lãi quá hạn 158.438.582đ (Một trăm lăm tám triệu, bốn trăm ba tám nghìn, lăm trăm tám hai đồng); phạt chậm trả lãi: 19.296.174đ (Mười chín triệu, hai trăm chín sáu nghìn, một trăm bẩy tư đồng).

Anh Nguyễn Xuân K, chị Nguyễn Thị X phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 29/7/2023 đến khi tất toán khoản vay theo các Hợp đồng cấp tín dụng số: DGI.CN.468.290216 ký ngày 01/03/2016; Hợp đồng cấp tín dụng số DGI.CN.746.011217 ký ngày 01/12/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số DGI.CN.2330.201118 ký ngày 07/12/2018 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

b. Trường hợp anh Nguyễn Xuân K, chị Nguyễn Thị X không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng cấp tín dụng cho vay thì Ngân hàng TMCP A(ACB) được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cụ thể: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 138, tờ bản đồ số 03, diện tích 244m^2 tại thôn P, xã V, huyện Y, tỉnh B do UBND huyện Y cấp ngày 05/10/2000; số vào sổ cấp GCN: 01367QSDĐ/391 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Kh (ngày 13/10/2015 tặng cho ông Nguyễn Xuân K, trú tại thôn P, xã V, huyện Y, tỉnh B).

c. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân K, chị Nguyễn Thị X phải chịu 14.589.401đ (Mười bốn triệu, lăm trăm tám chín nghìn, bốn trăm linh một đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần A 13.235.000đ (Mười ba triệu, hai trăm ba lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0004539 ngày 13/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

d. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh Nguyễn Xuân K, chị Nguyễn Thị X phải chịu 15.000.000đ chi phí xem xét thẩm định (xác nhận Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định là 15.000.000đ; anh Nguyễn Xuân K, chị Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét thẩm định Ngân hàng đã nộp).

3. Trường hợp quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./..

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh, huyện Yên Phong;
- CC THADS huyện Yên Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Ngô Xuân Hà